

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đường giao thông từ nội thị Yên Cát theo quy hoạch đi xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông từ nội thị Yên Cát theo quy hoạch đi xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 1070/STNMT-BVMT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án: “Đường giao thông từ nội thị Yên Cát theo quy hoạch đi xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa” của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 367/Tr-STNMT ngày 12/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đường giao thông từ nội thị Yên Cát theo quy hoạch đi xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý

dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Yên Cát, xã Cát Vân và xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đường giao thông từ nội thị Yên Cát theo quy hoạch đi xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân thực hiện tại thị trấn Yên Cát, xã Cát Vân và xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Xuân, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND các xã, thị trấn: TT Yên Cát, Cát Vân, Cát Tân (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án Đường giao thông từ nội thị Yên Cát theo quy hoạch đi xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đường giao thông từ nội thị Yên Cát theo quy hoạch đi xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Yên Cát, xã Cát Vân và xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân.

+ Người đại diện: Ông Lê Văn Long - Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ: Thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án được thực hiện tại thị trấn Yên Cát, xã Cát Vân và xã Cát Tân, huyện Như Xuân với tổng chiều dài $L = 9.352,92\text{m}$. Điểm đầu: Km0+00 tại Km0+800 trên tuyến đường tỉnh ĐT.520D thuộc địa phận thị trấn Yên Cát; điểm cuối: Km9+352,92 tại Km10+200 trên tuyến đường tỉnh ĐT.520D thuộc địa phận xã Cát Vân.

+ Từ Km0+00-: Km2+832.94: thuộc địa phận thị trấn Yên Cát;

+ Từ Km2+832.94 -: Km6+794.46: thuộc địa phận xã Cát Tân;

+ Từ Km6+794.46 -: Km9+932.92: thuộc địa phận xã Cát Vân.

- Quy mô thiết kế: đạt quy mô đường cấp III miền núi theo TCVN 4054:2005, vận tốc thiết kế $V_{tk} = 60\text{ km/h}$; có chàm chước bán kính cong thiết kế theo đường cấp IV miền núi. Mặt đường bằng bê tông nhựa có $E_{vc} \geq 140\text{Mpa}$. Công trình thoát nước ngang phù hợp quy mô mặt cắt ngang, kết cấu bằng BTCT, tải trọng H30-XB80 đối với công và HL93 đối với cầu. Tải trọng tính toán kết cấu áo đường 10T. Các nội dung cụ thể như sau:

+ Phần đường: Chiều rộng nền đường $B_n = 9\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 2 \times 3\text{m} = 6\text{m}$; chiều rộng lề gia cố 2m; chiều rộng lề đất 2m; các công trình phụ trợ trên tuyến.

Riêng đối với đoạn Km4+400 - Km4+740 giữ nguyên mặt cắt ngang hiện tại có chiều rộng mặt đường $B_m = 7,5\text{m}$ và rãnh dọc đã được đầu tư hoàn thiện hai bên tuyến; Đoạn Km4+740 - Km5+075 mặt đường hiện tại $B_m = 5\text{m}$, rãnh dọc bên trái tuyến thiết kế mở rộng mặt đường bên phải đảm bảo $B_m = 8\text{m}$; Lề đất $B_{ld} = 1 \times 0,5\text{m} = 0,5\text{m}$; Đoạn Km7+700 - Km7+909; Km8+089 - Km8+338 và Km8+636 - Km9+352,92 giữ nguyên mặt cắt ngang hiện tại có chiều rộng mặt đường $B_m = 7,0\text{m}$ và rãnh dọc đã được đầu tư hoàn thiện hai bên tuyến.

+ Độ dốc ngang mặt đường 2 mái $i=2\%$; với lề đất $i=4\%$, độ dốc siêu cao thiết kế lớn nhất trong đường cong $I_{\max}=6\%$.

+ Công trình thoát nước: Tần suất thiết kế $p=4\%$ đối với đường và công trình thoát nước; $p=2\%$ với cầu; tải trọng thiết kế HL93.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Thi công xây dựng tuyến đường: Tuyến đi cơ bản bám theo đường cũ: Điểm đầu Km0+00 tại Km0+800 đường tỉnh 520D, thuộc địa phận thị trấn Yên Cát (Ngã ba đường nhựa đi xã Thượng Ninh); Điểm cuối Km9+352.92 trùng với Km10+230 đường tỉnh 520D (Ngã ba giao đường bê tông vào làng), thuộc địa phận xã Cát Vân; Tổng chiều dài tuyến $L=9.352,92\text{m}$. Chiều rộng nền: $B_{\text{nền}}=9\text{m}$; Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{m}}=2 \times 3\text{m}=6\text{m}$; Chiều rộng lề gia cố $B_{\text{lgc}}=2 \times 1\text{m}=2\text{m}$; Chiều rộng lề đất: $B_{\text{ld}}=2 \times 0,5\text{m}=1\text{m}$. Riêng đối với đoạn Km4+400 - Km4+740 giữ nguyên mặt cắt ngang hiện tại có chiều rộng mặt đường $B_{\text{m}}=7,5\text{m}$ và rãnh dọc đã được đầu tư hoàn thiện hai bên tuyến; Đoạn Km4+740 - Km5+075 mặt đường hiện tại $B_{\text{m}}=5\text{m}$, rãnh dọc bên trái tuyến thiết kế mở rộng mặt đường bên phải đảm bảo $B_{\text{m}}=8\text{m}$; Lề đất $B_{\text{ld}}=1 \times 0,5\text{m}=0,5\text{m}$; Đoạn Km7+700 - Km7+909; Km8+089 - Km8+338 và Km8+636 - Km9+352,92 giữ nguyên mặt cắt ngang hiện tại có chiều rộng mặt đường $B_{\text{m}}=7,0\text{m}$ và rãnh dọc đã được đầu tư hoàn thiện hai bên tuyến.

- Thi công xây dựng công trình đường ngang dân sinh, nút giao; hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn.

- Thi công xây dựng 03 cầu trên tuyến gồm: Cầu Nác Tra Km2+727.03; Cầu Bưởi Km6+695.39; Cầu Khe Rào Km7+561.20 với quy mô: Bề rộng cầu: $B=(0,5+9+0,5)=10\text{m}$; Tải trọng thiết kế: HL93, tải trọng người $3 \times 10^{-3}\text{Mpa}$; Tần suất thiết kế: $P=2\%$; Sơ đồ nhịp: 01 nhịp $L=1 \times 15\text{m}$.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động chính của dự án chỉ phát sinh chủ yếu trong giai đoạn xây dựng, cụ thể: từ các hoạt động giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, phá dỡ, san nền, thi công nền đường, mặt đường, thi công cống thoát nước, thi công cầu hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng,... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,... tác động đến hoạt động tiêu thoát nước khu vực, dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh (giai đoạn xây dựng)

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng $5,0\text{ m}^3/\text{ngày}/\text{công trường}$, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân $2,5\text{ m}^3/\text{ngày}/\text{công trường}$; Nước thải từ quá trình ăn uống $1,5\text{ m}^3/\text{ngày}/\text{công trường}$;

Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) 1,0 m³/ngày/công trường. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải rửa thiết bị thi công hạng mục công trình, làm mát máy có khoảng 10,0 m³/ngày/công trường. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có lưu lượng 0,456 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

Trong giai đoạn thi công xây dựng bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu, thi công nền đường, mặt đường, thi công hệ thống thoát nước,... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn xây dựng gồm: bùn đất hữu cơ, đất bóc phong hóa khoảng 6.858,2 m³; chất thải từ quá trình xây dựng như cát, đất, bê tông, đá, bao bì ... khoảng 1.218,9 tấn. Thành phần chủ yếu: cây cối, đất, đá, cát, xi măng, sắt, gỗ,...

- Chất thải rắn sinh hoạt công nhân khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất hữu cơ, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,.... khối lượng phát sinh khoảng 90 kg/quá trình thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 545 lít/quá trình thi công.

3.3. Các tác động khác

- *Tác động do, tiếng ồn, độ rung:*

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

- *Tác động do chiếm dụng đất lúa:* Việc thu hồi đất trên ảnh hưởng tới các hộ dân bị mất đất sản xuất nông nghiệp, đất canh tác.

- *Các rủi ro, sự cố môi trường:* Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu; tai nạn giao thông; tai nạn lao động; sạt lở đất; hư hỏng công trình giao thông, nút nhà dân ở khu vực gần dự án,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. *Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân được đưa về hồ lắng có thể tích $1,5 \text{ m}^3$ (kích thước: $1,5\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$, thành và đáy được lót vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm), nước thải sau lắng được thoát ra mương thoát nước khu vực;

- Nước thải từ quá trình ăn uống được đưa về bể tách dầu mỡ thể tích $1,0 \text{ m}^3$ (kích thước: $1,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$); kết cấu các bể: đáy đổ bê tông xi măng, tường xây gạch xi măng, nắp bằng bê tông cốt thép; nước thải sau tách dầu mỡ được dẫn về bể lắng nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ trước khi thoát ra mương thoát nước khu vực.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (*đại tiện, tiểu tiện*) được xử lý bằng 03 nhà vệ sinh di động (kích thước: $2,7\text{m} \times 1,35\text{m} \times 2,6\text{m}$) đặt tại khu lán trại và khu vực đang thi công; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (*tần suất 02 ngày/lần*) bằng xe chuyên dụng.

b. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, máy móc được thu gom, dẫn về hồ lắng có dung tích $3,0\text{m}^3$ (kích thước $2,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,5\text{m}$) thu gom cùng nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh chân tay (bể được chia làm 02 ngăn bởi vách ngăn lửng, trong bể được bố trí 01 phao quay thu vớt dầu); nước thải sau lắng được tái sử dụng sử dụng chống bụi khu vực công trường, một phần thải ra hệ thống thoát nước khu vực; vớt dầu thu gom và xử lý cùng chất thải nguy hại.

c. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời bên khu vực bờ taluy dương, tại các vị trí trũng thấp để thoát nước,... cuối rãnh thoát nước bố trí hồ lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi,... tránh tình trạng ngập úng; hạn chế nước mưa chảy tràn vào tuyến đường đang thi công; đến nhà dân, khu vực đất trồng lúa,...

- Không tập kết vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại khu vực trũng, thấp hoặc gần các tuyến thoát nước mưa.

- Không để vật liệu độc hại ngoài trời, đồng thời quản lý dầu, mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tại bãi đổ thải, đổ thải đến đâu thực hiện đầm nén, san gạt, lu lèn đến đó để phòng tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát ra môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Tổ chức thi công hợp lý, tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ dự án.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

- Đối với hoạt động đổ vật liệu đắp, thực hiện trút đổ đến đâu, san gạt lu lèn đến đó để giảm bụi khuếch tán vào môi trường.

- Thường xuyên phun nước dập bụi tại khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư, nơi tập trung đông người.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe, xe chở bùn thải phải được gia cố thùng xe bằng bạt HDPE. Phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước ra khỏi công trường.

- Bố trí khu vực rửa xe, máy móc thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường; khu rửa xe được bố trí với diện tích 50m² được bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện; xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công trường trước khi ra đường được xịt sạch lốp xe và bùn đất dính bên ngoài xe.

- Bố trí công nhân thường xuyên thu dọn nguyên vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển trên tuyến đường qua khu sinh dân cư, khu tập trung đông người.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị 02 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 60 lít/thùng) tại vị trí lán trại công nhân và 02 thùng (dung tích 60 lít/thùng) đặt tại khu vực đang thi công.

- Trang bị 01 xe đẩy rác bằng tay (dung tích chứa 0,5 m³/xe) đặt gần lán trại công nhân để thu gom rác thải tập trung.

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

b. Đối với chất thải rắn xây dựng:

- Các loại chất thải từ phát quang thảm thực vật được tận dụng làm chất đốt hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý tại bãi rác thải tập trung của địa phương.

- Đối với lớp đất màu từ quá trình bóc lớp đất phong hóa trên phần diện tích đất trồng lúa được thu gom, cho các hộ/đơn vị phủ đất màu để trồng cây trên địa bàn; phần đất đào dư thừa được thu gom cùng khối lượng chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình cũ, cát, đá,... được vận chuyển về vị trí bãi đổ thải đã được thỏa thuận (*Bãi đổ thải số 01: Bãi ruộng sâu của hộ bà Phạm Thị Long tại thôn Thanh Tân, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, trữ lượng khoảng 50.000m³; Bãi thải số 02: Bãi Dốc Bích cạnh QL15, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân trữ lượng khoảng 50.000m³*).

- Chất thải rắn là vật liệu là đất, đá, cát rơi vãi trong quá trình thi công được nhà thầu thu gom tái sử dụng để san lấp nền đường, hoặc vận chuyển tới bãi đổ thải của dự án.

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng... thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí ít nhất 02 thùng (dung tích 60 lít/thùng) để thu gom chất thải rắn nguy hại; 01 thùng với thể tích 240 lít/thùng để thu gom chất thải lỏng nguy hại.

- Các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che đặt tại khu vực lán trại; kết thúc giai đoạn thi công, hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

+ Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cá nhân cho công nhân vận hành phương tiện theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, nuôi trồng thủy sản theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố:

+ Sự cố tai nạn giao thông: Thực hiện vận chuyển đúng tải trọng quy định, không để xảy ra tình trạng chở quá khổ, quá tải gây hư hỏng đường giao thông; thực hiện nghiêm túc quy định che chắn thùng xe, tốc độ di chuyển trên các tuyến đường, không để rơi vãi nguyên vật liệu ra đường; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; cấm biển báo hiệu công trường thi công, biển chỉ dẫn giao thông đoạn gần cổng vào dự án và đoạn giao với đường sắt; không tập kết nguyên nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị thi công tại khu vực giáp ranh với đường sắt; phối hợp với đơn vị quản lý vận hành đường sắt để nhận biết chuyến tàu sắp qua khu vực, không để xảy ra tình trạng tại nạn đường đoạn giao với đường sắt.

+ Sự cố sạt lở đất, đuối nước: Thi công theo đúng hồ sơ thiết kế; bố trí đóng cọc tre tại các khu vực núi có khả năng dễ sạt lở, trang bị phao bơi cho công nhân trong quá trình thi công cầu...

+ Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn, trang bị 02 bình bột PCCC tại khu lán trại tạm.

+ Sự cố bom mìn, vật liệu nổ tồn dư trong chiến tranh: Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng để rà phá bom mìn, vật liệu nổ cho công trình trước khi triển khai thi công.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường:

Theo điểm b, khoản 2, Điều 111, Luật BVMT 2020, Điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc và giám sát môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.